TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HS-ST
Ngày 23/4/2021**.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Hưng T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Hà Thị Thanh T**

2. Ông **Mai N Đ**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Trần H** – Thư ký tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang H** - Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 06/2021/TLST - HS, ngày 05 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST- HS ngày 10 tháng 03 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ; Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/HSST - QĐ ngày 23/3/2021 của HĐXX và thông báo mở lại phiên tòa số: 09/2021/TB-TA ngày 12/4/2021 của tòa án đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đinh Thị Hồng N;** Sinh ngày 28/02/1998; Tại thị xã Phú Thọ, Phú Thọ;

Nơi ĐKHKTT: Khu Phú Lợi, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: Khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Đinh Quang T, sinh năm 1968 và bà Trần Thị M, sinh năm 1968;

Có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 2;

Chồng: Trần Ngọc A, sinh năm 1990; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ 15/10/2020 đến 04/12/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lĩnh, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

2. Họ và tên**: Nguyễn Anh N;** Sinh ngày 10/08/1993. Tại thị xã Phú Thọ, Phú Thọ;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 9 khu N, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Anh D (đã chết); và bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1968. Có 02 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 2;

Vợ: Tô Thị Lan A, sinh năm 1994, bị cáo có 03 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017;

Tiền án: Có 01

Bản án số 74/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, xử phạt 25 tháng tù về tội: Gây rối trật tự công cộng, tổng hợp với hình phạt 6 tháng tù, về tội: Đánh bạc của bản án số: 33/2018/HSST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc bị cáo phải chấp hành chung của hai bản án là 31 tháng tù, được trừ 5 tháng 26 ngày, còn phải chấp hành 25 tháng 4 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2018. Ra trại ngày 02/7/2020.

Nhân thân: Bản án số 34/2014/HSST ngày 08/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, phạt 6 triệu đồng về tội đánh bạc.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/10/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ.

3. Họ và tên**: Hà Minh L;** Sinh năm 1967. Tại thị xã Phú Thọ, Phú Thọ;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Hà Kim Thanh (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đao (đã chết);

Có 09 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 8;

Chồng: Phan Văn Quang, sinh năm 1964; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 2004;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/10/2020 đến 21/10/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

4. Họ và tên**: Đặng Thị Thanh T;** Sinh ngày 23/04/1966. Tại thị xã Phú Thọ, Phú Thọ;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tổ 18 khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Đặng Thanh D (đã chết) và bà Lê Thị N, sinh năm 1935,

Có 05 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ 3;

Chồng: Nguyễn Văn T, sinh năm 1962, bị cáo có 02 con lớn sinh năm 1985 nhỏ sinh năm 1987.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ 15/10/2020 đến 21/10/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi nhĩa vụ liên quan:

1. Chị **Trần Thị M** sinh năm 1974 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Tổ 1A – Khu dân cư P, phường P, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

2. Chị **Cao Thị X** sinh năm 1980(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Khu Thanh X, phường T, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

3. Bà **Vi Thị N** sinh năm 1961(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Tổ 13 phố Sa Đéc, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

4. Bà **Trần Thị N** sinh năm 1961(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Tổ 9 phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

5. Anh **Nguyễn Thái V** sinh năm 1988(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Tổ 9 phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

6. Chị **Nguyễn Thị Phương T** sinh năm 1995(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: SN 54 Tổ 9 phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

7. Bà **Trần Thị Phương H** sinh năm 1964(Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: SN 26, tổ 29 phố L, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

8. Chị **Mai Như H** sinh năm 1977 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: SN 57 Tổ 9 phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

9. Anh **Đinh Quang S** sinh năm 1982 (Vắng mặt tại phiên tòa);

Địa chỉ: Tổ 6 khu dân cư T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

10. Chị **Tô Thị Lan Anh** sinh năm 1994 (Có mặt tại phiên tòa)

Địa chỉ: Khu N, phường A, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18 giờ 00 phút ngày 15/10/2020, phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Phú Thọ phát hiện bắt quả tang Hà Minh L, sinh năm 1967, ở khu 3 (nay là khuT, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ) đang có hành vi đánh bạc với hình thức dùng điện thoại di động Nokia1280 có gắn sim số thuê bao 0344.088.086, nhận và chuyển tin nhắn mua bán số lô, số đề với Đinh Thị Hồng N, sinh năm 1998, HKTT: Khu P, phường P, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ; Chỗ ở: Khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ, có số thuê bao 0377.484.754; Đinh Quang S, sinh năm 1982, trú tại: Khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ, có số thuê bao 0969.556.430 và một số người khác, với số tiền tương ứng khoảng 30.000.000đ.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia1280 màu xanh có số IMEI:353693052344418 gắn sim số thuê bao 0344.088.086 đã qua sử dụng; 01 tờ lịch ngày 14/10/2020 mặt sau ghi nhiều số tự nhiên; 01máy tính Casiofx 500ms; 01 bút bi mực đen; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.350.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng). Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Hà Minh L không thu giữ gì.

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thu thập, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Đinh Thị Hồng N, Đặng Thị Thanh T, Nguyễn Anh N, Đinh Quang S, kết quả khám xét như sau:

- Tại nơi ở của Đinh Thị Hồng N, sinh năm 1998, ở khu T, phường H, TX Phú Thọ, kết quả khám xét không thu giữ gì.

- Tại nơi ở của Đặng Thị Thanh T, sinh năm 1966, trú tại tổ 18 (nay là khu Tân Thành), phường H, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung GalaxyV màu đen, đã qua sử dụng, có lắp thẻ sim1 có số thuê bao: 0974.080.261, lắp thẻ sim2 số thuê bao: 0376.296.715; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng - đen, lắp thẻ sim1 số thuê bao: 0365.902.185, lắp thẻ sim2 số thuê bao: 0868.875.094 đã qua sử dụng.

- Tại nơi ở của Nguyễn Anh N, sinh năm 1993, trú tại khu N, phường A, TX Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, tạm giữ gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình; 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, lắp sim số 0359.042.716 đã qua sử dụng; 01điện thoại di động nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu đen, không lắp sim, đã qua sử dụng.

- Tại nơi ở của Đinh Quang S, sinh năm 1982, trú tại tổ 6, phường H, TX Phú Thọ, tạm giữ gồm: nhiều giấy tờ cho vay tiền, 05 quyển sổ liên quan đến hoạt động cho vay tiền; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, gắn sim số: 0969.556.430 đã qua sử dụng.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen có lắp sim điện thoại số 0377.484.754 đã qua sử dụng, do bà Trần Thị M là mẹ đẻ của N giao nộp, bà M trình bày: Ngày 15/10/2020, chiếc điện thoại này là của N, khi cơ quan điều tra vào bắt giữ, N ném chiếc điện thoại qua cửa sổ nhà tắm ra ngoài, bà Minh đã nhặt lại giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, đã làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

1. Đối với hành vi đánh bạc:

Hành vi của Hà Minh L: Do không có công ăn việc làm ổn định, cần có tiền để chi tiêu cá nhân và biết Đinh Thị Hồng N là người nhận bảng lô, đề nên Hà Minh L đã nhận mua bán số lô, số đề với khách đi đường rồi chuyển cho Đinh Thị Hồng N để hưởng phần trăm H hồng. L và N thỏa thuận về số lô: 1 điểm lô là 22.000đ, trúng 1 điểm lô được nhận 80.000đ. Về số đề: thỏa thuận giá

75.000đ/100.000đ, trúng đề sẽ được gấp 70 lần số tiền mua số đề. Về số 3 càng: Mua 100.000đ thì chỉ phải trả 75.000đ trúng sẽ nhận được gấp 300 lần số tiền mua. Việc thanh toán tiền thắng thua diễn ra vào ngày hôm sau.

Ngày 15/10/2020, Hà Minh L có hành vi sử dụng điện thoại di động Nokia1280 màu xanh có gắn sim số thuê bao 0344.088.086 nhận 01 tin nhắn mua bán số lô, số đề của Đinh Quang S, sinh năm 1982, HKTT: Khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ qua số điện thoại 0969.556.430 với số tiền 1.240.000đ (Một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và 03 người (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với tổng số tiền 30.991.300đ. Sau đó tập hợp lại thành bảng số lô, số đề và dùng điện thoại lắp sim số 0344.088.086 chuyển 03 tin nhắn số lô, số đề đến số điện thoại 0377.484.754 của Đinh Thị Hồng N, với số tiền là 30.258.750đ (Ba mươi triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). L đã thanh toán cho N số tiền 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng), còn lại số tiền 8.258.750đ (Tám triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng), số tiền đánh bạc L chưa thanh toán cho N. Hành vi của L bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng, vì vậy Hà Minh L phải chịu trách nhiệm số tiền dùng vào việc đánh bạc với Đinh Thị Hồng N là **30.258.000đ**.

Hành vi của Đặng Thị Thanh T: Do biết N là người nhận bảng lô, đề, nên Đặng Thị Thanh T đã nhận mua bán số lô, số đề của khách đi đường sau đó chuyển cho Đinh Thị Hồng N, sinh năm 1998, HKTT: Khu P, phường P, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ để hưởng phần trăm H hồng. Về số lô: 1 điểm lô là 22.000đ trúng 1 điểm lô được nhận 80.000đ. Về số đề: thỏa thuận giá 75.000đ/100.000đ, trúng đề sẽ được gấp 70 lần số tiền mua số đề. Về số 3 càng trúng sẽ nhận được gấp 300 lần số tiền mua số 3 càng. Việc thanh toán tiền thắng thua diễn ra vào ngày hôm sau.

Ngày 15/10/2020, T nhận mua bán số lô số đề của nhiều người đi đường (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với số tiền 5.423.000đ (Năm bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng), Sau đó, sử dụng điện thoại di động lắp sim số 0974.080.261 chuyển 03 tin nhắn với số lô, số đề đến số điện thoại 0377.484.754 của N, với số tiền là: 5.282.000đ (Năm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng), số tiền đánh bạc T chưa thanh toán cho N. Hành vi của T bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng, vì vậy Đặng Thị Thanh T phải chịu trách nhiệm số tiền dùng vào việc đánh bạc với Đinh Thị Hồng N là **5.282.000đ**.

Đối với Đinh Thị Hồng N: N đã nhận mua bán số lô, số đề của nhiều người và chuyển cho Nguyễn Anh N, sinh năm 1993, HKTT: khu N, phường A, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ và ngược lại N chuyển số lô xiên cho N. Về số lô: 1 điểm lô là 21.800đ trúng 1 điểm lô được nhận 80.000đ. Về số đề: Mua 100.000đ thì chỉ phải trả 73.000đ trúng sẽ được gấp 70 lần số tiền mua số đề. Về số lô xiên: Mua 100.000đ thì chỉ phải trả 73.000đ, lô xiên 2 trúng thì nhân 10 lần số tiền đánh, lô xiên 3 trúng thì nhân 40 lần số tiền đánh.Việc thanh toán tiền thắng thua diễn ra vào ngày hôm sau.

Ngày 15/10/2020, Đinh Thị Hồng N sử dụng điện thoại di động gắn sim số thuê bao 0377.484.754 nhận và chuyển tin nhắn đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với nhiều người, cụ thể:

- Nhận 03 tin nhắn số lô, số đề của Hà Minh L qua số điện thoại 0344.088.086 với số tiền là 30.258.750đ.

- Nhận 03 tin nhắn số lô, số đề của Đặng Thị Thanh T qua số điện thoại 0974.080.261 với số tiền là 5.282.000đ.

- Nhận 02 tin nhắn số lô xiên của Nguyễn Anh N qua số điện thoại 0334.738.250 với số tiền là 532.900đ.

- Chuyển 03 tin nhắn số lô, số đề đến số điện thoại 0334.788.250 của Nguyễn Anh N với tổng số tiền là 34.817.300đ.

Kết quả điều tra xác định tổng số N nhận số lô, số đề của L, T, N là **36.073.650đ**, N đã tổng hợp lại bảng số lô, số đề không chuyển hết cho N mà giữ lại một phần số lô, số đề và lại đánh thêm số lô, số đề khác trực tiếp vào bảng đề với tổng số tiền đánh bạc là **10.894.300đ**. Sau đó, N Chuyển 03 tin nhắn số lô, số đề đến số điện thoại 0334.788.250 của Nguyễn Anh N với tổng số tiền là **34.817.300đ**. Hà Minh L mới thanh toán số tiền 22.000.000đ cho N; còn lại N, T và N chưa thanh toán tiền cho nhau. Hành vi của N bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng, vì vậy Đinh Thị Hồng N phải chịu trách nhiệm số tiền dùng vào việc đánh bạc với Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T, Nguyễn Anh N là **46.967.950đ.**

Đối với Nguyễn Anh N: N đã nhận các số lô, số đề của Đinh Thị Hồng N và một người tên Nam nhưng không rõ tên tuổi địa chỉ sau đó cân bảng lô đề và chuyển lại số lô xiên cho N. Về số lô: 1 điểm lô là 21.800đ trúng 1 điểm lô được nhận 80.000đ. Về số đề: mua 100.000đ thì chỉ phải trả 73.000đ trúng sẽ được gấp 70 lần số tiền mua số đề. Về số lô xiên: mua 100.000đ thì chỉ phải trả 73.000đ, trúng sẽ nhận được gấp 300 lần số tiền mua số lô xiên. Việc thanh toán tiền thắng thua diễn ra vào ngày hôm sau.

Ngày 15/10/2020, N sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu đen gắn sim số thuê bao 0334.738.250 chuyển 02 tin số lô, số đề đến số thuê bao 0377.484.754 của Đinh Thị Hồng N, với tổng số tiền là 532.900đ (năm trăm ba mươi hai nghìn chín trăm đồng) và N nhận 03 tin nhắn số lô, số đề từ N, với tổng số tiền là: 34.817.300đ (Ba mươi tư triệu tám trăm mười bảy nghìn ba trăm đồng). Khi Cơ quan điều tra vào tiến hành khám xét, N chạy lên tầng 2 ném chiếc điện thoại ra đằng sau nhà, tiến hành truy tìm nhưng không thấy. Số tiền đánh bạc N và N chưa thanh toán với nhau. Hành vi của N bị phát hiện trước khi có kết quả mở thưởng, vì vậy Nguyễn Anh N phải chịu trách nhiệm số tiền dùng vào việc đánh bạc với Đinh Thị Hồng N là **35.350.200đ**.

Quá trình điều tra đối với Đinh Quang S, sinh năm 1982, trú tại: Khu T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ khai nhận: Ngày 15/10/2020, S đã sử dụng

điện thoại lắp sim số 0969.556.430 đã chuyển 01 tin nhắn số lô, số đề đến số điện thoại 0344.088.086 của Hà Minh L, với số tiền 1.240.000đ (khai nhận phù hợp với Hà Minh L). Ngoài ra, S còn khai nhận sổ sách giấy tờ vay là của Đinh Thị Hồng N, không có liên quan gì đến hành vi cho vay lãi nặng của N.

2. Về hành vi của Đinh Thị Hồng N cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

Trong thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020, Đinh Thị Hồng N có hoạt động cho vay lãi nặng với thủ đoạn hoạt động như sau: Khi khách vay có nhu cầu đến vay tiền thì phải tự viết giấy vay tiền hoặc sổ ghi chép của N, sau đó ký tên. Lãi xuất trong giấy vay tiền không ghi gì mục đích để đối phó với cơ quan chức năng nếu bị kiểm tra nhưng thực tế lãi xuất vay là từ 4000đ đến 5000đ/1 triệu/1 ngày, tùy vào mối quan hệ với khách vay. Khi khách vay đồng ý với mức lãi xuất trên N sẽ giao tiền, nếu là khách lạ sẽ cắt lại lãi của tháng đầu tiên. Do khách vay chủ yếu là người quen hoặc được người khác giới thiệu, bảo lãnh, nên hình thức vay chủ yếu là tín chấp, N trực tiếp đi thu tiền lãi của khách và ghi chép sổ sách, tiền lãi thu được sử dụng vào mục đích tiêu sài cá nhân.

Theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, thì mức lãi suất trong giao dịch dân sự giữa các bên cho vay không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay. Theo tỷ lệ này, mức lãi suất không được vượt quá tương đương với mức 1,66667%/tháng của khoản tiền vay, và tương đương với mức lãi 0,055556%/ 1 ngày của khoản tiền vay.

Theo quy định của Điều 201 Bộ luật hình sự, thì: *"Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000đ…… thì bị phạt tiền…"*.

Để xử L tội phạm theo Điều 201 BLHS thì cần đạt 02 điều kiện:

Điều kiện thứ nhất: mức lãi suất cho vay gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS, tức là 5 x 20%/năm = 100%/năm, tương đương mức 8,3333%/1 tháng; tương đương 0,27777%/ ngày. Nếu vượt quá mức lãi suất nêu trên là đạt vi phạm điều kiện thứ nhất. Việc cho người khác vay với lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày (gấp 9 lần so với quy định) đã đủ điều kiện vi phạm điều kiện thứ nhất để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Điều kiện thứ hai: thu lợi bất chính từ 30.000.000đ…, tức là khi đã đạt điều kiện thứ nhất, mức lãi suất từ trên 20%/năm trở lên, số tiền thu lời vượt quá 20%/năm mà đạt từ 30.000.000đ trở lên là đạt vi phạm điều kiện thứ hai.

Cơ quan CSĐT- Công an tỉnh Phú Thọ đã chứng minh Đinh Thị Hồng N cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cho những người vay như sau:

Chị Trần Thị M, sinh năm 1974, HKTT: Tổ 1A, khu dân cư P, phường P, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 29/3/2020, N cho chị M vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 240.000đ và trả trong vòng 50 ngày với tổng số tiền là 12.000.000đ(trong đó có 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi). Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 1.110.717đ (Một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm mười bảy đồng), từ 100%/1 năm trở lên là 611.500đ (Sáu trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Ngày 27/6/2020, N cho chị M vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ, chị M đã trả đủ tiền lãi đến ngày 24/9/2020 với tổng số tiền lãi là 1.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 666.430đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng), từ 100%/1 năm trở lên là 666.900đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ngày 06/8/2020, N cho chị M vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Chị M đã trả đủ tiền lãi đến ngày 25/8/2020 với tổng số tiền lãi là 1.000.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 444.287đ (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn hai trăm tám bảy nghìn đồng), từ 100%/1 năm trở lên là 444.600đ (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm đồng).

Ngày 22/9/2020, N cho chị M vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Chị M đã trả đủ tiền lãi đến ngày 03/10/2020 với tổng số tiền lãi là 650.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 288.786đ (Hai trăm tám mươi tám nghìn bảy trăm tám sáu đồng), từ 100%/1 năm trở lên là 288.990đ (Hai trăm tám mươi tám nghìn chín trăm chín mươi đồng).

Như vậy, tổng số N cho chị M vay là 35.000.000đ, với tổng số 143 ngày. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 627.700đ (Sáu trăm hai bảy nghìn bẩy trăm đồng), Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 4.522.210đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm mười đồng). Đến thời điểm trước khi xét xử chị M đã trả đầy cho bị cáo N 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc.

Chị Cao Thị X, sinh năm 1980, HKTT: Khu Thanh X, phường T, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 30/8/2020, N cho chị X vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 100.000đ và trả trong vòng 50 ngày, tiền lãi chị N đã thu trước là 1.000.000đ với tổng số tiền là 6.000.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 555.358đ (Năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm năm tám nghìn đồng) từ

100%/1 năm trở lên là 305.750đ (Ba trăm linh năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngày 15/9/2020, N cho chị X vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 100.000đ và trả trong vòng 50 ngày, tiền lãi chị N đã thu trước là 1.000.000đ với tổng số tiền là 6.000.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 555.358đ (Năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm năm tám nghìn đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 305.750đ (Ba trăm linh năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Ngày 05/10/2020, N cho chị X vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 100.000đ và trả trong vòng 50 ngày, tiền lãi chị N đã thu trước là 1.000.000đ với tổng số tiền là 6.000.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 555.358đ (Năm trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm năm tám nghìn đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 305.750đ (Ba trăm linh năm nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Như vậy, tổng số N cho chị X vay là 15.000.000đ, với tổng số 150 ngày. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 416.676đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 2.583.324đ. Đến thời điểm trước khi xét xử chị X đã trả đủ cho bị cáo N 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

Bà Vi Thị N, sinh năm 1961, HKTT: tổ 13, phố S, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 08/3/2020 N cho bà N vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. N thu tiền lãi trước là 1.500.000đ/1 tháng. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 03/10/2020 với tổng số tiền lãi là 12.000.000đ.

Như vậy, N cho bà N vay là 10.000.000đ, với tổng số 240 ngày. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 1.333.360đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 10.666.640đ. Đến thời điểm trước khi xét xử bà N đã trả đủ cho bị cáo N 10.000.000đ (Mười triệu đồng) tiền gốc.

Bà Trần Thị N, sinh năm 1969, HKTT: tổ 9, phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 12/1/2020, N cho bà N vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 2.250.000đ tiền lãi. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 28/10/2020 với tổng số tiền lãi của 10 tháng là 22.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 9.996.450đ (Chín triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi đồng)

từ 100%/1 năm trở lên là 10.003.500đ(Mười triệu không trăm linh ba nghìn năm trăm đồng).

Ngày 01/7/2020, N cho bà N vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ tiền lãi. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 01/9/2020 với tổng số tiền lãi của 2 tháng là 1.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 666.430 đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 666.900đ(Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ngày 04/8/2020, N cho bà N vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 2.250.000đ tiền lãi. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 02/9/2020 với tổng số tiền lãi của 1 tháng là 2.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 999.645đ (Chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 1.000.350đ(Một triệu không trăm ba trăm năm mươi đồng).

Ngày 25/8/2020, N cho bà N vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 2.250.000đ tiền lãi. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 23/9/2020 với tổng số tiền lãi của 1 tháng là 2.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 999.645đ (Chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 1.000.350đ(Một triệu không trăm ba mươi đồng).

Ngày 08/9/2020, N cho bà N vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ tiền lãi. Bà N đã trả đủ tiền lãi đến ngày 09/9/2020 với tổng số tiền lãi của 1 tháng là 750.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 333.215đ (ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm mười lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 333.450đ(Ba trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Ngày 14/9/2020, N cho bà N vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 360.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 1.666.075đ (Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm bảy lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 917.250đ (Chín trăm mười bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ngày 04/10/2020, N cho bà N vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 360.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Bà N đã trả cho N được đến ngày 15/10/2020 là 12 ngày là 4.320.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 399.858đ (Ba trăm chín mươi chín nghìn tám trăm năm tám đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 220.140đ (Hai trăm hai mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng).

Như vậy, tổng số bị cáo N cho bà Trần Thị N vay là 85.000.000đ, với tổng số 512 ngày vay. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 3.766.742đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 29.203.258đ. Đến thời điểm hiện tại bà N đã trả cho bị cáo N được 43. 600.000đ tiền gốc, hiện nay bà N vẫn nợ lại bị cáo N 41.400.000đ (Bốn mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc.

Anh Nguyễn Thái V, sinh năm 1988, HKTT : tổ 9, phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 22/2/2020, N cho anh V vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 1.500.000đ tiền lãi. Anh V đã trả đủ tiền lãi đến ngày 26/9/2020 với tổng số tiền lãi của 07 tháng là 10.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 4.665.010đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn mười đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 4.668.300đ (Bốn triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Ngày 25/7/2020, N cho anh V vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ tiền lãi. Anh V đã trả đủ tiền lãi đến ngày 22/9/2020 với tổng số tiền lãi của 02 tháng là 1.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 666.430đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 666.900đ (Sáu trăm sáu mươi sáu nghìn chín trăm đồng).

Ngày 30/8/2020, N cho anh V vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ tiền lãi. Anh V đã trả đủ tiền lãi đến ngày 28/9/2020 với số tiền lãi của 1 tháng là 750.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 333.215 đ (Ba trăm ba mươi ba nghìn hai trăm mười lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 333.450đ(Ba trăm ba mươi nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Như vậy, tổng số N cho anh V vay là 20.000.000đ, với tổng số 300 ngày vay. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 1.416.695đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 11.333.315đ. Đến thời điểm hiện tại anh V vẫn nợ lại bị cáo N 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc.

Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1995, HKTT: SN54, tổ 9, phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 05/8/2020, N cho chị T vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Trả tiền lãi 10 ngày 1 lần bằng 1.000.000đ, mỗi tháng trả 3.000.000đ tiền lãi. Chị T đã trả đủ tiền lãi đến ngày 23/9/2020 với số tiền lãi của 50 ngày là 5.000.000đ.

Như vậy, N cho chị T vay là 20.000.000đ, với tổng số 50 ngày vay. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 555.567đ, Tổng Số tiền lãi vượt

quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 4.444.433đ. Đến thời điểm trước ngày xét xử chị T đã trả đủ cho bị cáo N đủ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc.

Bà Trần Thị Phương H, sinh năm 1964, HKTT: SN26, tổ 29, phố L, phường A, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 19/3/2020, N cho bà H vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 240.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 1.110.717đ (Một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm mười bảy nghìn đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 611.500đ (Sáu trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Ngày 06/10/2020, N cho bà H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 360.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Bà H đã trả được cho N đến ngày 14/10/2020 tổng là 9 ngày bằng 3.240.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 299.894đ (Hai trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi tư đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 165.105đ (Một trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm linh năm đồng).

Như vậy, tổng số N cho bà H vay là 25.000.000đ, với tổng số 59 ngày vay. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 352.785đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 2.187.216đ. Đến thời điểm trước ngày xét xử bà H đã trả đủ cho bị cáo N 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) tiền gốc.

Chị Mai Như H, sinh năm 1977, HKTT: SN57, tổ 9, phố T, phường H, thị xã Phú Thọ, Phú Thọ.

Ngày 07/5/2020, N cho chị H vay số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 3.000.000đ tiền lãi. Chị H đã trả đủ tiền lãi đến ngày 23/10/2020 với số tiền lãi của 4 tháng 20 ngày là 14.000.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 6.220.013đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi nghìn mười ba đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 6.224.400đ (Sáu triệu hai trăm hai mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Ngày 25/7/2020, N cho chị H vay số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 750.000đ tiền lãi. Chị H đã trả đủ tiền lãi đến ngày 22/10/2020 với số tiền lãi của 3 tháng là 2.250.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 999.645đ (Chín trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm bốn lăm đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 1.000.350đ (Một triệukhông trăm ba trăm năm mươi đồng).

Ngày 11/9/2020, N cho chị H vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 5000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp. Mỗi tháng trả 1.500.000đ tiền

lãi. Chị H đã trả đủ tiền lãi đến ngày 30/10/2020 với số tiền lãi của 1 tháng 20 ngày là 2.500.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 1.110.717đ (Một triệu một trăm mười nghìn bảy trăm mười bảy nghìn đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 1.111.500đ (Một triệu một trăm mười một nghìn năm trăm đồng).

Ngày 11/10/2020, N cho chị H vay số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 360.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Chị H đã trả được cho N đến ngày 15/10/2020 tổng là 5 ngày bằng 1.800.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 166.608đ (Một trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm linh tám đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 91.725đ (Chín mươi mốt nghìn bảy trăm hai mươi lăm đồng).

Ngày 07/9/2020, N cho chị H vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) với lãi xuất 4000đ/1 triệu/1 ngày hình thức vay tín chấp, bốc họ. Mỗi ngày trả 240.000đ và trả trong vòng 50 ngày. Chị H đã trả được cho N đến ngày 15/10/2020 tổng là 39 ngày bằng 9.360.000đ. Số tiền lãi mà N thu lời bất chính từ 20% đến 100%/1 năm là 866.359đ (Tám trăm sáu mươi sáu nghìn ba trăm năm chín đồng) từ 100%/1 năm trở lên là 476.970đ (Bốn trăm bảy mươi sáu nghìn chín trăm bảy mươi đồng).

Như vậy, tổng số N cho chị H vay là 60.000.000đ, với tổng số 324 ngày vay. Tổng số tiền lãi theo quy định của BLDS 20%/1 năm là 2.341.714đ, Tổng Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 18.268.287đ. Đến thời điểm trước ngày xét xử chị H đã trả đủ cho bị cáo N 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) tiền gốc.

Như vậy, số tiền lãi N thu được từ tháng 1/2020 đến tháng 10/2020 của 8 người vay trên là: 94.020.000đ (Chín mươi tư triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Trong đó:

- Số tiền lãi 20% /năm theo quy định của BLDS là: 10.811.327đ (Mười triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

- Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là: 83.208.673đ (Tám mươi ba triệu hai trăm linh tám nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

Hiện tại số tiền gốc của 8 người vay còn hai người chưa trả đủ cho bị cáo N đó là bà Trần Thị N còn nợ 41.400.000đ và anh Nguyễn Thái Việt 20.000.000đ. Tổng hai người là 61.400.000đ.

Quá trình xác minh trong số 12 (mười hai) tờ giấy vay tiền thu giữ trong quá trình khám xét tại nơi ở của Đinh Quang S xác định: có 09 tờ giấy của 08 người vay ở trên đã được chứng minh làm rõ. Còn 01 giấy vay tiền mang tên Toàn Thị Bảo Q, sinh năm 1980, ở tổ 8, phường P, phường P, TX Phú Thọ có vay của Đinh

Thị Hồng N số tiền 10.000.000đ. Cơ quan điều tra xác minh Quyên không có mặt tại địa phương, nên chưa làm rõ được để xử L đối với khoản vay này; Còn 01 giấy vay tiền mang tên Lưu Văn T (không có địa chỉ cụ thể) vay của N 5.000.000đ, 01 giấy vay tiền mang tên Hà Thị B không ghi địa chỉ cụ thể, N không nhớ T là ai, ở đâu, nên không làm rõ được.

Đối với 02 quyển sổ ghi chép việc cho vay tiền của Đinh Thị Hồng N cho 31 lượt người vay tiền, thực tế có 18(Mười tám) người vay, nhưng N không nhớ là ai và không có tên tuổi địa chỉ cụ thể nên không xác định được.

Vật chứng đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp:

Trả lại cho chị Tô Thị Lan A (vợ N) 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình, 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, lắp sim số 0359.042.716 đã qua sử dụng và 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Redmi, mặt sau màu đen, không lắp sim do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho Đặng Thị Thanh T (một) ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu vàng - đen, có số IMEI: 867934024949895; số IMEI2: 867934024949887 lắp thẻ sim1 số: 0365.902.185, lắp thẻ sim2 số: 0868.875.094 đã qua sử dụng và 01(một) sim điện thoại số: 0376.296.715 do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Trả lại cho Đinh Thị Hồng N 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 25x15cm bìa ghi chữ HỒNG HÀ màu đỏ, 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ MILK SHAKE TIME, 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu kích thước 20x15cm bìa ghi chữ DIARY do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Vật chứng đưa vào hồ sơ vụ án:

01 quyển sổ bìa màu vàng kích thước 15x10cm bìa ghi chữ A6 TWINRING;

01 quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ A5 TWINRING;

12 giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Đinh Thị Hồng N và Đinh Quang S.

01tờ lịch ngày 14/10/2020 mặt sau ghi nhiều số tự nhiên;

Vật chứng chuyển Cơ quan Thi hành án:

01 ĐTDĐ Nokia1280 màu xanh có số IMEI:353693052344418 gắn sim số thuê bao 0344.088.086 đã qua sử dụng; 01(một) máy tính Casiofx 500ms; 01(một) bút bi mực đen; 01ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung GalaxyV màu đen, có số IMEI1: 352465075604305/01; số IMEI2: 352466075604303/01, lắp sim số: 0974.080.261 đã qua sử dụng của Đặng Thị Thanh T; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, có số IMEI1: 354456100102504, IMEI2: 354457100102502, gắn sim số: 0969.556.430 đã qua sử dụng của Đinh Quang S; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen có số IMEI1: 351662613730482, IMEI2: 352465213730483 lắp sim điện thoại số 0377.484.754 đã qua sử dụng của Đinh Thị Hồng N.

Tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 19.947.200đ (Mười chín triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng), trong đó:

Tạm giữ của Hà Minh L số tiền 1.350.000đ khi bị bắt.

Tạm giữ số tiền liên quan đến hành vi đánh bạc do các đối tượng tham gia đánh bạc tự nguyện giao nộp tổng số là: 18.597.200đ, cụ thể gồm: Đặng Thị Thanh T 5.423.000đ; Hà Minh L 7.641.300đ; Đinh Thị Hồng N 5.000.000đ; Nguyễn Anh N 532.900đ (do vợ N là Tô Thị Lan Anh nộp thay).

Hành vi đánh bạc của các bị cáo Đinh Thị Hồng N, Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T, Nguyễn Anh N. Đinh Thị Hồng N còn thêm hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự thực hiện được chứng minh bằng các tài liệu như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, lời khai nhận tội của các bị cáo và các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: Số:14/CT- VKSPT- P2 ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Đinh Thị Hồng N về tội "Đánh bạc" và tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Nguyễn Anh N, Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T về tội:" Đánh bạc", theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ giữ quyền công tố luận tội và tranh luận. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đinh Thị Hồng N, Nguyễn Anh N, Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321; bị cáo Đinh Thị Hồng N truy tố thêm về tội: "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36 Điều 50 – BLHS xử phạt bị cáo Đinh Thị Hồng N từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Áp dụng khoản 1 điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 36, Điều 50, Điều 58 - BLHS. Đề nghị phạt bị cáo Đinh Thị Hồng N từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 – BLHS tổng hợp hình phạt cho cả hai tội buộc Đinh Thị Hồng N phải chấp hành chung cho cả hai tội từ 24 đến 30 tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giam là 51 ngày (Từ ngày 15/10/2020 đến ngày 04/12/2020) quy đổi thành 5 tháng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành từ 18 tháng 27 ngày đến 24 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo N cho UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 điều 321 điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 58 – BLHS; Khoản 5 Điều 328 - BLTTHS (Đối với bị cáo Nguyễn Anh N).

Đề nghị phạt bị cáo Nguyễn Anh N 06 tháng 09 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 15/10/2020. Đề nghị trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Anh N, nếu bị cáo N không bị tạm giam về tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo N.

Áp dụng khoản 1,3 điều 321 điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58, Điều 36 - BLHS (Đối với bị cáo Hà Minh L). Đề nghị phạt bị cáo Hà Minh L từ 06 đến 08 tháng cải tạo không giam được khấu trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ quy đổi thành 18 ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành từ 05 tháng 12 ngày đến 07 tháng 12 ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Phạt bổ sung bị cáo L 10.000.000đ nộp ngân sách nhà nước;

Giao bị cáo L cho UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 điều 321 điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58, Điều 35 - BLHS (Đối với bị cáo T). Đề nghị phạt bị cáo Đặng Thị Thanh T từ 30 triệu đến 35 triệu đồng nộp ngân sách Nhà nước.

Về Xử L vật chứng:

Áp dụng Điều 47 - Bộ luật Hình sự; Điều 106 - BLTTHS:

Đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước của Hà Minh L 8.258.750đ xác nhận bị cáo L đã nộp 8.991.300đ (Trong đó thu giữ bắt quả tang là 1.350.000đ, tự nguyện nộp 7.641.300đ ngày 10/01/2021) trả lại cho bị cáo L 732.550đ nhưng tạm giữ lại để đảm bảo Thi hành án;

Tịch thu của Đặng Thị Thanh T 5.282.000đ để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo đã nộp 5.423.000đ ngày 10/01/2021. Trả lại cho bị cáo T 140.250đ, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo Thi hành án.

Tịch thu và truy thu của bị cáo Đinh Thị Hồng N tổng số 32.894.300đ nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo N đã nộp 5.000.000đ ngày 10/01/2021 bị cáo còn phải nộp tiếp là 27.894.000đ;

Tịch thu bị cáo Nguyễn Anh N là 532.900đ để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo N đã nộp đủ (do vợ bị cáo N là chị Tô Thị Lan Anh nộp thay ngày 10/01/2021).

Đề nghị lưu hồ vụ án các tài liệu vật chứng gồm:

01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 15x10cm bìa ghi chữ A6 TWINRING; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ A5 TWINRING; 12 (mười hai) giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Đinh Thị Hồng N và Đinh Quang S và 01(một) tờ lịch ngày 14/10/2020 mặt sau ghi nhiều số tự nhiên;

Đề nghị tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước các Vật chứng gồm:

Tịch thu 01(một) ĐTDĐ Nokia1280 màu xanh có số IMEI:353693052344418 và tịch thu cho tiêu hủy sim số thuê bao 0344.088.086 đã qua sử dụng và 01(một) máy tính Casiofx 500ms của Hà Minh L. Tịch thu 01(một) bút bi mực đen;

Tịch thu 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung GalaxyV màu đen, có số IMEI1: 352465075604305/01; số IMEI2: 352466075604303/01, tịch thu cho tiêu hủy sim số: 0974.080.261 đã qua sử dụng của Đặng Thị Thanh T.

Tịch thu 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen có số IMEI1: 351662613730482, IMEI2: 352465213730483, tịch thu cho tiêu hủy sim điện thoại số 0377.484.754 đã qua sử dụng của Đinh Thị Hồng N.

Đề nghị trả lại cho anh Đinh Quang S 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, có số IMEI1: 354456100102504, IMEI2: 354457100102502, tịch thu cho tiêu hủy sim số: 0969.556.430 đã qua sử dụng .

Đề nghị xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại tài sản cho những người sau:

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho chị Tô Thị Lan Anh (vợ N) 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình; 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, lắp sim số 0359.042.716 số IMEI 337996052679162 đã qua sử dụng và 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Redmi Note8, không lắp sim số IMEI 1 86198000 45565042, số IMEI 2 861980045565059 đã qu sử dụng. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho Đặng Thị Thanh T 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu vàng - đen, có số IMEI: 867934024949895; số IMEI2: 867934024949887 lắp thẻ sim1 số: 0365.902.185, lắp thẻ sim2 số: 0868.875.094 đã qua sử dụng và 01(một) sim điện thoại số: 0376.296.715. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 06/01/2021.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho Đinh Thị Hồng N 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 25x15cm bìa ghi chữ HỒNG HÀ màu đỏ, 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ MILK SHAKE TIME, 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu kích thước 20x15cm bìa ghi chữ DIARY. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021.

Đề nghị truy thu toàn bộ số tiền gốc của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã trả lại cho bị cáo N là 208.600.000đ để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu của Trần Thị N 41.400.000đ để nộp ngân sách nhà nước, truy thu của anh Nguyễn Thái Việt 20.000.000đ để nộp ngân sách nhà nước. Truy thu toàn bộ số tiền lãi đến 20% của bị cáo N đã nhận của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan tổng số tiền là 10.811.327đ để nộp ngân sách nhà nước.

Đề nghị buộc bị N phải trả lại cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền lãi trên 20% (Tiền thu lời bất chính) tổng số tiền là 83.208.683đ. Xác nhận bị cáo N đã trả đủ số tiền thu lãi nêu trên cho những người vay.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo tự bào chữa cho bản thân, nhất trí với bản cáo trạng, luận tội và không có lời bào chữa nào khác và xin Hội đồng xét xử xem xét chiếu có giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi,

quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Ngày 10/03/2021 TAND thị xã Phú Thọ ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 23/3/2021, đến ngày xét xử người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) lần thứ nhất không có lí do, đại diện VKSND thị xã Phú Thọ đề nghị hoãn phiên tòa. HĐXX căn cứ vào Điều 292 - BLTTHS thảo luận và ra quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay ngày 23/4/2021 các bị cáo đều có mặt, người có QLNVLQ vắng mặt lần thứ hai, nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đinh Thị Hồng N, Nguyễn Anh N, Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T khai nhận đã có hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với quá trình điều tra, giải quyết vụ án do đó có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 15/10/2020, Đinh Thị Hồng N đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức bán, nhận và chuyển số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại với Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T, sau đó chuyển cho Nguyễn Anh N, với tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 46.967.950đ; Nguyễn Anh N đã nhận bán số lô, số đề với Đinh Thị Hồng N, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 35.350.200đ; Hà Minh L đã đánh bạc với Đinh Thị Hồng N, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 30.258.750đ; Đặng Thị Thanh T đánh bạc với Đinh Thị Hồng N, số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.282.000đ thì bị phát hiện, bắt giữ.

Ngoài ra, Đinh Thị Hồng N còn có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Trong thời gian từ tháng 01/2020 đến tháng 10/2020, N đã cho Trần Thị M, Cao Thị X, Vi Thị N, Trần Thị N, Nguyễn Thái Việt, Nguyễn Thị Phương T, Trần Thị Phương H, Mai Như H, vay tiền với lãi suất từ 4000đ/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Tính đến thời điểm tháng 10/2020, tổng số 8 người vay trên đã trả cho Đinh Thị Hồng N số tiền lãi là 94.020.000đ. Trong đó: Số tiền lãi theo quy định của BLDS (dưới 20%/năm) là 10.811.327đ; Số tiền lãi vượt quá 20%/năm đối với khoản vay (tiền thu lời bất chính) là 83.208.673đ. Như vậy, xác định số tiền thu lời bất chính của N trong vụ án này là: 83.208.673đ. Hành vi của bị cáo ĐinhThị Hồng N cho người khác vay tiền với lãi suất từ 4000đ/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, cao gấp từ 7,2 đến 9 lần mức lãi suất theo quy định của pháp luật dân sự cho phép và thu lời bất chính số tiền 83.208.673đ đã đến mức xử L về hình sự.

Hành vi phạm tội như đã nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321- BLHS.

Hành vi phạm tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Đinh Thị Hồng N đã phạm vào tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 201 – BLHS.

Điều 321 BLHS tội Đánh bạc quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Điều 201 Bộ luật Hình sự Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự:

"1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo đã ngang nhiên xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương, gây dư luận xấu, bất bình trong quần chúng nhân dân, gây thiệt hại đến kinh tế của từng hộ gia đình. Vì vậy vụ án cần phải đưa ra xét xử kịp thời nhằm giáo dục riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa chung của tội phạm.

Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Đối với bị cáo **Đinh Thị Hồng N** tuổi đời còn rất trẻ đáng lẽ ra phải chịu khó cần cù lao động để tạo ra của cải vật chất để nuôi sống bản thân và gia đình, nhưng do hám lời, lười lao động nên đã trực tiếp nhận mua, bán số lô số đề của người khác để kiếm lời. Ngoài việc mua bán số lô, số đề ra bị cáo còn có hành vi cho người khác vay tiền với lãi suất cao để lấy tiền tiêu sài cá nhân, mặc dù bị cáo biết rõ là hành vi mua bán số lô số đề và hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện dẫn đến phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là Đinh Quang Thành được nhà nước cho đeo kỷ niệm chương và tự nguyện giao nộp khoản tiền đánh bạc và tự nguyện trả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan những khoản tiền lãi trên 20% để khắc phục hậu quả, do đó HĐXX xem

xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Từ những phân tích trên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội của hai tội mà chỉ cần cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo **Nguyễn Anh N** có 01 tiền án. Bản án số: 74/2018/HSST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, xử phạt 25 tháng tù về tội "Gây rối trật tự công cộng", tổng hợp với hình phạt 6 tháng tù, về tội: "Đánh bạc" của bản án số 33/2018/HSST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ, buộc chấp hành chung của hai bản án là 31 tháng tù, được trừ 5 tháng 26 ngày, còn phải chấp hành 25 tháng 4 ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/11/2018, đồng thời bị cáo còn có nhân thân. Bản án số 34/2014/HSST ngày 08/8/2014 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ, phạt 6 triệu đồng về tội đánh bạc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để cải tà quy chính mà tiếp tục phạm tội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 - BLHS, ngoài ra bị cáo đã tác động gia đình nộp lại khoản tiền đánh bạc do đó cũng được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS, nhưng bị cáo cũng phải chịu 01 tình tiết tăng nặng TNHS đó là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 - BLHS. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/10/2020 tính đến ngày xét xử là ngày 23/4/2021 bị cáo đã chấp hành được 06 tháng 09 ngày, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo chỉ cần xét xử bằng thời gian tạm giam cho bị cáo cũng đủ bị cáo N thấy được sự khoan hồng của pháp luật để có cơ hội cải tà quy chính để trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo **Hà Minh L** mặc dù chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo tham gia đánh bạc mua bán số lô, số đề cùng với bị cáo khác một cách tích cực. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - BLHS, ngoài ra bị cáo còn tự nguyện nộp lại khoản tiền đánh bạc nên HĐXX cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Xét thấy chưa đến mức phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần có một hình phạt cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Đối với bị cáo **Đặng Thị Thanh T** mặc dù cũng chưa có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo tham gia đánh bạc mua bán số lô, số đề một cách tích cực. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo,

phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 - BLHS, ngoài ra bị cáo còn tự nguyện nộp lại khoản tiền đánh bạc nên HĐXX cho bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ TNHS được quy định tại khoản 2 Điều 51 – BLHS, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào. Xét thấy chưa đến mức phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội, bị cáo có tài sản là nhà đất điều đó chứng tỏ bị cáo có điều kiện kinh tế nên chỉ cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ cải tạo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

Các bị cáo Nguyễn Anh N và bị cáo Đinh Thị Hồng N qua xác minh các bị cáo không có tài sản nhà đất gì nên HĐXX miễn hình bổ sung cho các bị cáo là phù hợp. Đối với bị cáo Hà Minh L có tài sản nhà đất cùng với gia đình nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp. Đối với bị cáo Đặng Thị Thanh T đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự, bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 30 triệu đồng đến 100 triệu đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ , cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

Xét thấy bị cáo N là lao động tự do, không có tài sản, không có công việc chức vụ gì nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo N là phù hợp.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 36 – BLHS quy định trong thời gian chấp hành án, người bị kết án phải thực hiện một số nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ và bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ Nhà nước…. Xét thấy bị cáo N, bị cáo L không có thu nhập ổn định, nên HĐXX cho miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại điều luật cho các bị cáo là phù hợp, nhưng các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trong vụ án này có anh Đinh Quang S có hành vi đánh bạc với Hà Minh L với số tiền 1.240.000. Cơ quan điều tra đã xác định, hành vi của anh S chưa đến mức phải xử L hình sự, nên ra quyết định xử L hành chính là phù hợp.

Đối với các đối tượng là người đi đường đã mua số lô, số đề của Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T và đối tượng tên là Nam mua số lô, số đề của Nguyễn Anh N . Quá trình điều tra xác định, do L, T, N không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, nên không làm rõ được để xử L.

[3] Về vật chứng:

Đối với số tiền bị cáo L tự nguyện giao nộp là 7.641.300đ và thu của bị cáo L là 1.350.000đ tổng cộng là 8.991.300đ trong khi đó bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc

với số tiền là 8.258.750đ cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, sau khi đối trừ còn thừa 732.550đ cần được trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 5.423.000đ do bị cáo Đặng Thị Thanh T giao nộp, nhưng bị cáo thực hiện hành vi đánh bạc là 5.282.000đ cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền thừa còn lại là 140.250đ cần được trả lại cho bị cáo, nhưng tạm giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền mà bị cáo Đinh Thị Hồng N thực hiện hành vi đánh bạc mà có tổng là 32.894.300đ bị cáo N đã tự nguyện giao nộp là 5.000.000đ số tiền còn lại là 27.894.300đ cần truy thu để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền 532.900đ (do vợ bị cáo N là chị Tô Thị Lan Anh nộp thay) là khoản tiền do Nguyễn Anh N thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Cần lưu hồ vụ án các tài liệu vật chứng gồm:

01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 15x10cm bìa ghi chữ A6 TWINRING; 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ A5 TWINRING; 12 (mười hai) giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Đinh Thị Hồng N và Đinh Quang S; 01(một) tờ lịch ngày 14/10/2020 mặt sau ghi nhiều số tự nhiên;

Đối với 01(một) ĐTDĐ Nokia1280 màu xanh có số IMEI:353693052344418 và tịch thu cho tiêu hủy sim số thuê bao 0344.088.086 đã qua sử dụng và 01 máy tính Casiofx 500ms tịch thu của bị cáo Hà Minh L; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung GalaxyV màu đen, có số IMEI1: 352465075604305/01; số IMEI2: 352466075604303/01, tịch thu cho tiêu hủy sim số: 0974.080.261 đã qua sử dụng thu của bị cáo Đặng Thị Thanh T; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, có số IMEI1: 354456100102504, IMEI2: 354457100102502 sim số: 0969.556.430 đã qua sử dụng thu của anh Đinh Quang S và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen có số IMEI1: 351662613730482, IMEI2: 352465213730483, sim điện thoại số 0377.484.754 đã qua sử dụng thu của Đinh Thị Hồng N là các phương tiện phạm tội nên cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước là phù hợp. Riêng những chiếc sim của các điện thoại trên cần tịch thu cho tiêu hủy và cần tịch thu cho tiêu hủy của bị cáo L 01bút bi mực đen;

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho chị Tô Thị Lan A (vợ bị cáo N) 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình; 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, lắp sim số 0359.042.716 số IMEI 337996052679162 đã qua sử dụng và 01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Redmi Note8, không lắp sim số IMEI 1 86198000 45565042, số IMEI 2 861980045565059 đã qu sử dụng. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021là hợp pháp.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho bị cáo Đặng Thị Thanh T 01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu vàng - đen, có số IMEI: 867934024949895; số IMEI2: 867934024949887 lắp thẻ sim1 số: 0365.902.185, lắp thẻ sim2 số: 0868.875.094 đã qua sử dụng và 01(một) sim điện thoại số: 0376.296.715. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 06/01/2021là hợp pháp.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho bị cáo Đinh Thị Hồng N 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 25x15cm bìa ghi chữ HỒNG HÀ màu đỏ, 01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ MILK SHAKE TIME, 01 (một) quyển sổ bìa màu nâu kích thước 20x15cm bìa ghi chữ DIARY. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021là hợp pháp.

Đối với các khoản tiền cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Đinh Thị Hồng N.

Đối với số tiền gốc bị cáo N cho 08 người vay (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước. Đến nay những người vay của bị cáo N gồm chị Trần Thị M, chị Cao Thị X, bà Vi Thị N, chị Nguyễn Thị Phương T, bà Trần Thị Phương H, chị Mai Như H đã trả đầy đủ tiền gốc cho bị cáo N nên cần truy thu của bị cáo để nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền gốc của bà Trần Thị N và của bị cáo N tổng số tiền là 85.000.000đ đến nay bà N đã trả được cho bị cáo N được 43.600.000đ nên cần truy thu của bị cáo N để nộp ngân sách nhà nước, còn lại 41.400.000đ bà N chưa trả cho bị cáo N do đó cần truy thu của bà N để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với số tiền gốc bị cáo N cho anh Nguyễn Thái Việt vay tổng 20.000.000đ đến nay anh Việt chưa trả cho bị cáo N vì vậy cần truy thu của anh Việt để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với khoản tiền lãi đến 20% là khoản tiền thu lời bất chính trên số tiền gốc mà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (08 người vay tiền gốc của bị cáo N) đã trả cho bị cáo N tổng cộng là 10.811.327đ số tiền này cần truy thu của bị cáo N để nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

Đối với khoản tiền lãi vượt quá 20% tổng cộng là 83.208.287đ (Tiền thu lời bất chính) bị cáo N đã thu và đã trả lại cho những người vay tiền gốc (Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) cần được xác nhận.

[4] Về án phí:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm Sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ phù hợp với nhận định trên cảu HĐXX nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 điều 321, Khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 (Đối với tội đánh bạc); Điều 55 và Điều 36 – BLHS; Điểm d Khoản 1 Điều 125 - BLTTHS. (Đối với bị cáo Đinh Thị Hồng N).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 – BLHS và khoản 5 Điều 328 – BLTTHS (Đối với bị cáo Nguyễn Anh N).

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321, điểm i, s khoản 1,2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 - BLHS; Điểm d Khoản 1 Điều 125 - BLTTHS. (Đối với bị cáo Hà Minh L)

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 35 - BLHS; Điểm d Khoản 1 Điều 125 - BLTTHS và Đặng Thị Thanh T).

Tuyên bố bị cáo Đinh Thị Hồng N phạm hai tội " Đánh bạc" và tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Các bị cáo Hà Minh L, Nguyễn Anh N và bị cáo Đặng Thị Thanh T phạm tội: "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo **Đinh Thị Hồng N** 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" và 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 30 (Ba mươi) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ cho bị cáo thời gian tạm giam là 51 (Năm mươi mốt) ngày quy đổi thành 5 (Năm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ, bị cáo còn phải chấp hành 24 (Hai mươi bốn) tháng 27 (Hai mươi bẩy) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Đinh Thị Hồng N cho UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Miễn hình phạt bổ sung theo Điều luật của cả hai tội cho bị cáo Đinh Thị Hồng N.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo N, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo **Hà Minh L** 06(Sáu) tháng cải tạo không giam giữ, khấu trừ cho bị cáo 06 (Sáu) ngày tạm giữ quy đổi thành 18 (Mười tám) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành là 05 (Năm) tháng 12 (Mười hai) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Hà Minh L cho UBND phường H, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Hà Minh L 10.000.000đ (Mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo L, nhưng bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật hình sự trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh T 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh N 06 (Sáu) tháng 09 (Chín) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 15/10/2020. Xác nhận bị cáo Nguyễn Anh N đã chấp hành xong hình phạt. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Anh N, nếu bị cáo N không bị tạm giam về tội phạm khác.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 09/2021/LCĐKNCT, ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ cho bị cáo Đinh Thị Hồng N.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 08/2021/LCĐKNCT, ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ cho bị cáo Hà Minh L.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 10/2021/LCĐKNCT, ngày 05/02/2021 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ cho bị cáo Đặng Thị Thanh T.

[2] Về vật chứng:

Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 - Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a,b khoản 3 Điều 106 - BLTTHS:

Tịch thu của bị cáo Hà Minh L là 8.258.750đ (Tám triệu hai trăm năm mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo L đã nộp đủ.

Tịch thu của bị cáo Đặng Thị Thanh T số tiền 5.282.000đ (Năm triệu hai trăm tám mươi hai nghìn đồng) nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận bị cáo T đã nộp đủ.

Tịch thu, truy thu của bị cáo Đinh Thị Hồng N tổng số tiền là 32.894.300đ. Xác nhận bị cáo N đã nộp là 5.000.000đ (Năm triệu đồng), truy thu 27.894.300đ (Hai mươi bẩy triệu tám trăm chín mươi tư nghìn ba trăm đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Anh N số tiền 532.900đ (Năm trăm ba mươi hai nghìn chín trăm đồng) để nộp ngân sách nhà nước. Xác nhận chị Tô Thị Lan Anh vợ bị cáo N đã nộp đủ.

Trả lại cho bị cáo Hà Minh L 732.550đ (Bảy trăm ba mươi hai nghìn năm trăm năm mươi đồng), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo Thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Đặng Thị Thanh T 140.250đ (Một trăm bốn mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng), nhưng tạm giữ lại để đảm bảo Thi hành án.

Lưu hồ vụ án các tài liệu vật chứng gồm:

01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 15x10cm bìa ghi chữ A6 TWINRING;
01 (một) quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ A5 TWINRING;
12 (mười hai) giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của Đinh Thị Hồng N và Đinh Quang S và 01(một) tờ lịch ngày 14/10/2020 mặt sau ghi nhiều số tự nhiên;

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước các vật chứng đã thu giữ gồm:

01(một) ĐTDĐ Nokia1280 màu xanh có số IMEI:353693052344418 và 01(một) máy tính Casiofx 500ms của bị cáo Hà Minh L.

01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung GalaxyV màu đen, có số IMEI1: 352465075604305/01; số IMEI2: 352466075604303/01, của bị cáo Đặng Thị Thanh T.

01(một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A7 màu xanh, có số IMEI1: 354456100102504, IMEI2: 354457100102502, của anh Đinh Quang S.

01 (một) ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung Galaxy A21s màu đen có số IMEI1: 351662613730482, IMEI2: 352465213730483, của bị cáo Đinh Thị Hồng N.

Tiêu hủy tiêu hủy sim số thuê bao 0344.088.086 đã qua sử dụng; 01 bút bi mực đen; 01 sim số: 0974.080.261 đã qua sử dụng; 01 sim số: 0969.556.430 đã qua sử và 01 sim điện thoại số 0377.484.754 đã qua sử dụng.

(Các vật chứng đều có tình trạng như biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 02/3 /2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Phú Thọ và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phú Thọ).

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ đã trả lại cho chị Tô Thị Lan Anh (vợ bị cáo N) 01điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5 màu trắng bị vỡ màn hình; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 5c màu vàng, lắp sim số 0359.042.716 số IMEI 337996052679162 đã qua sử dụng và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Redmi Note8, không lắp sim số IMEI 1 86198000 45565042, số IMEI 2 861980045565059 đã qua sử dụng. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021 là hợp pháp.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho bị cáo Đặng Thị Thanh T 01 ĐTDĐ nhãn hiệu OPPO màu vàng - đen, có số IMEI: 867934024949895; số IMEI2: 867934024949887 lắp thẻ sim1 số: 0365.902.185, lắp thẻ sim2 số: 0868.875.094 đã qua sử dụng và 01 sim điện thoại số: 0376.296.715. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 06/01/2021là hợp pháp.

Xác nhận cơ quan điều tra Công an tỉnh Phú Thọ trả lại cho bị cáo Đinh Thị Hồng N 01quyển sổ bìa màu vàng kích thước 25x15cm bìa ghi chữ HỒNG HÀ màu đỏ; 01quyển sổ bìa màu vàng kích thước 20x15cm bìa ghi chữ MILK SHAKE

TIME và 01 quyển sổ bìa màu nâu kích thước 20x15cm bìa ghi chữ DIARY. Theo biên bản trao trả tài sản lập ngày 05/01/2021 là hợp pháp.

Truy thu của bị cáo Đinh Thị Hồng N 208.600.000đ (Hai trăm linh tám triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền gốc và 10.811.327đ (Mười triệu tám trăm mười một nghìn ba trăm hai mươi bẩy đồng) tiền lãi đến 20% để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của bà Trần Thị N 41.400.000đ (Bốn mươi mốt triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền gốc vay của bị cáo N để nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu của anh Nguyễn Thái V 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc vay của bị cáo N để nộp ngân sách nhà nước.

Xác nhận bị cáo Đinh Thị Hồng N đã trả khoản tiền vượt quá 20% (Khoản tiền thu lời bất chính) cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan như sau:

Trả cho bà Trần Thị M 4.522.210đ (Bốn triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm mười đồng);

Trả cho bà Cao Thị X 2.583.325đ (Hai triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm hai mươi lăm đồng);

Trả cho bà Vi Thị N 10.666.640đ (Mười triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bốn mươi đồng);

Trả cho bà Trần Thị N 29.203.258đ (Hai mươi chín triệu hai trăm linh ba nghìn hai trăm năm tám đồng;

Trả cho anh Nguyễn Thái Việt 11.333.305đ Mười một triệu ba trăm bà mươi ba nghìn ba trăm linh năm đồng);

Trả cho chị Nguyễn Thị Phương T 4.444.433đ (Bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi đồng);

Trả cho bà Trần Thị Phương H 2.187.215đ (Hai triệu một trăm tám mươi bẩy nghìn hai trăm mười lăm đồng);

Trả cho chị Mai Như H 18.268.287đ (Mười tám triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn hai trăm tám mươi bẩy đồng).

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Đinh Thị Hồng N, Nguyễn Anh N, Hà Minh L, Đặng Thị Thanh T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sư.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Anh (Có mặt) được quyền kháng cáo lên TAND tỉnh để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.`

Nơi gửi:
- VKSND thị xã Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an thị xã Phú Thọ;
- UBND phường H, tx Phú Tho;
- UBND phường A, tx Phú Thọ;
- UBND phường P, tx Phú Thọ;
- Sở tư pháp;
- Trại giam CA tỉnh Phú Thọ
- THAHS - Chi cục THADS;
- Các bi cáo;
- Những người có QLNVLQ;
- Lưu HS -VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hưng Thủy